

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2024

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Cẩm Tú.
2. Ông Phạm Hoàng Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2023/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Hồng C, sinh năm 1973 (có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Hồng C trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Hồng C và ông Phan Văn L (sau đây gọi tắt là bà C, ông L) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng kết kết

hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà C và ông L bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, nay bà C yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà C và ông L có 01 người con chung tên Phan Duy Nam, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà C trình bày trong thời gian chung sống bà C và ông L không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Phan Văn L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao giấy căn cước công dân của bà Lê Hồng C; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của ông Phan Văn L; bản sao giấy khai sinh tên Phan Duy Nam; đơn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà C với ông L.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tại phiên tòa: Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Bà C và ông L cưới nhau theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1994, trong quá trình chung sống bà C và ông L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà C và ông L là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Bà C và ông L có 01 người con chung tên Phan Duy Nam, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà C trình bày trong thời gian chung sống bà C và

ông L không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002952 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Hồng C và ông Phan Văn L.
2. Về con chung: Bà C và ông L có 01 người con chung tên Phan Duy Nam, sinh năm 1995, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.
3. Về chia tài sản chung: Bà C trình bày bà C và ông L không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002952 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà C đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh